



221/01

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

Địa chỉ: Số 311, Đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường bộ Lào Cai (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016 gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Cù Kiên Quyết	Chủ tịch
Ông Cù Ngọc Chung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Cù Kiên Quyết	Giám đốc
Ông Cù Ngọc Chung	Phó Giám đốc
Bà Cấn Thị Loan	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI



Cù Kiên Quyết

Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Số 21-17/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đường bộ Lào Cai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường bộ Lào Cai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường bộ Lào Cai cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 28/02/2016 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này.

Như đã trình bày tại mục 14 phần V của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận với giá trị 1.006.060.000 đồng theo Quyết định số 328/QĐ-ĐBLC ngày 31/12/2016 và 329/QĐ - ĐBLC, việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-03

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	29/02/2016
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.395.500.619	42.571.606.379
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	1.154.037.821	12.452.410.178
1 Tiền	111		454.037.821	12.452.410.178
2 Các khoản tương đương tiền	112		700.000.000	-
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.241.870.351	13.045.068.607
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	24.177.639.438	12.446.979.045
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	43.377.761	1.623.851
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	20.853.152	596.465.711
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV Hàng tồn kho	140		23.999.592.447	16.475.808.936
1 Hàng tồn kho	141	V.5.	23.999.592.447	16.475.808.936
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		-	598.318.658
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.	-	598.318.658
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.656.796.707	6.350.220.550
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		6.528.126.707	6.073.979.197
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	6.528.126.707	6.073.979.197
- Nguyên giá	222		12.411.923.401	12.936.663.832
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.883.796.694)	(6.862.684.635)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	-	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(40.000.000)	(40.000.000)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		128.670.000	276.241.353
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	128.670.000	276.241.353
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		56.052.297.326	48.921.826.929

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	29/02/2016
C NỢ PHẢI TRẢ	300		44.415.410.727	37.534.940.330
I Nợ ngắn hạn	310		44.415.410.727	37.534.940.330
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	941.196.000	653.496.500
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	18.986.000	-
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	769.979.953	30.364.277
4 Phải trả người lao động	314		11.794.476.620	4.887.142.585
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	26.652.561.971	28.681.159.996
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10.	4.043.044.800	3.275.721.589
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		195.165.383	7.055.383
II Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.636.886.599	11.386.886.599
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	11.636.886.599	11.386.886.599
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.386.886.599	11.386.886.599
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.386.886.599	11.386.886.599
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		250.000.000	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		56.052.297.326	48.921.826.929

Lào Cai, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hương



Cù Kiên Quyết

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	38.544.236.920	41.281.499.451
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		995.240.908	359.436.363
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		37.548.996.012	40.922.063.088
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	32.894.926.428	36.712.061.368
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.654.069.584	4.210.001.720
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	46.544.692	59.190.015
7 Chi phí tài chính	22	VI.5.	171.760.885	322.449.903
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		171.760.885	322.449.903
8 Chi phí bán hàng	25	VI.8.	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	3.453.853.597	3.941.015.658
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.074.999.794	5.726.174
11 Thu nhập khác	31	VI.6.	192.072.957	9.545.454
12 Chi phí khác	32	VI.7.	9.497.751	-
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		182.575.206	9.545.454
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.257.575.000	15.271.628
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	251.515.000	8.216.245
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.006.060.000	7.055.383
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	719,51	

Lào Cai, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hương

Giám đốc



Cù Kiên Quyết

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		29.615.543.450	60.734.054.674
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.975.450.769)	(35.670.684.717)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.964.568.184)	(14.712.840.255)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(171.760.885)	(322.449.903)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(290.307.416)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		455.399.027	9.291.572.950
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.901.179.856)	(8.733.175.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.942.017.217)	10.296.169.580
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.306.040.000)	(61.608.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		135.816.957	9.545.454
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46.544.692	59.190.015
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.123.678.351)	7.127.014
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		6.443.044.800	9.161.628.765
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.675.721.589)	(9.784.468.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		767.323.211	(622.839.581)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11.298.372.357)	9.680.457.013
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.452.410.178	2.771.953.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	1.154.037.821	12.452.410.178

Lào Cai, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hương



Cù Kiên Quyết

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường bộ Lào Cai tiền thân là Công ty Quản lý và Xây dựng đường bộ Lào Cai trực thuộc UBND tỉnh Lào Cai. Sau đó đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng đường bộ Lào Cai theo Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 28/04/2010 của UBND tỉnh Lào Cai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300216753 ngày 25/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp. Theo Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng đường bộ Lào Cai và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5300216753 thay đổi lần thứ 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/02/2016 thì Công ty TNHH MTV Quản lý và xây dựng đường bộ Lào Cai chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty có 02 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5300216753 thay đổi lần thứ 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/02/2016 thì vốn điều lệ của Công ty là **11.386.890.000 VND** (Mười một tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là RLC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Chi tiết: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sản xuất, sửa chữa, lắp đặt các phụ kiện công trình đường bộ; khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng, tái thiết và sửa chữa lớn công trình: Giao thông đường bộ, đường thủy, công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, đường điện đến 35kv;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy thi công công trình, cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Kinh doanh dịch vụ: Nhà nghỉ, nhà khách, ăn uống, kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa.

Địa chỉ: Số nhà 311, đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016, là kỳ hoạt động đầu tiên ngay sau khi Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần, do vậy, các số liệu, thông tin, dữ liệu tương ứng được trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016 là các số liệu, thông tin, dữ liệu không mang tính so sánh được.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT - BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT - BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Lào Cai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có nợ phải thu quá hạn cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (Năm)</i>
Phần mềm kế toán	02

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn gồm giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp và các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được ghi nhận theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp với thời gian phân bổ không quá ba năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán thành phẩm, cho thuê mặt bằng, dịch vụ đảm bảo, sửa chữa công trình giao thông và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư góp vốn vào Công ty khác.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ bồi thường thiệt hại về tài sản, thanh lý tài sản cố định. Thu nhập từ bồi thường thiệt hại tài sản được ghi nhận trên văn bản xác nhận thỏa thuận bồi thường thiệt hại của hai bên, thu nhập từ thanh lý tài sản cố định được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo số thuận giữa thu nhập và chi phí từ thanh lý tài sản cố định.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng công trình, phù hợp với tỷ lệ trong hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

15.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	29/02/2016
	VND	VND
Tiền	454.037.821	12.452.410.178
<i>Tiền mặt</i>	<i>44.657.797</i>	<i>99.337.242</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>409.380.024</i>	<i>12.353.072.936</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai	339.908.674	2.067.521.699
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà	69.471.350	10.285.551.237
Các khoản tương đương tiền	700.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai	700.000.000	-
Cộng	1.154.037.821	12.452.410.178

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016		29/02/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai	24.007.441.788	-	11.993.825.064	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các đối tượng khác	170.197.650	-	453.153.981	-
Cộng	24.177.639.438	-	12.446.979.045	-
3. Trả trước cho người bán				
			31/12/2016	29/02/2016
			VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty Xăng dầu Lào Cai			13.377.761	1.623.851
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam			15.000.000	-
Khổng Anh Tuấn			15.000.000	-
Cộng			43.377.761	1.623.851
4. Phải thu khác				
	31/12/2016		29/02/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Phải thu từ cổ phần hóa	-	-	300.000.000	-
Tạm ứng	7.000.000	-	263.894.000	-
Phạm Thị Kim Oanh	-	-	104.195.000	-
Nguyễn Thị Tần	-	-	25.000.000	-
Các đối tượng khác	7.000.000	-	134.699.000	-
Phải thu khác	13.853.152	-	32.571.711	-
Cục thuế tỉnh Lào Cai	-	-	30.364.250	-
Nguyễn Thị Huyền	-	-	2.207.461	-
Các đối tượng khác	13.853.152	-	-	-
Cộng	20.853.152	-	596.465.711	-
5. Hàng tồn kho				
	31/12/2016		29/02/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	227.500.000	-	303.146.366	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.461.696.447	-	16.084.917.168	-
Thành phẩm	310.396.000	-	87.745.402	-
Cộng	23.999.592.447	-	16.475.808.936	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm Máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 29/02/2016	40.000.000	40.000.000
Số dư ngày 31/12/2016	40.000.000	40.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 29/02/2016	40.000.000	40.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	40.000.000	40.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 29/02/2016	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	29/02/2016 VND
<i>Dài hạn</i>		
Lợi thế kinh doanh	52.299.000	152.743.000
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	76.371.000	123.498.353
Cộng	128.670.000	276.241.353

9. Phải trả người bán

	31/12/2016 VND		29/02/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thi công Hoàng Phát	405.020.000	405.020.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư thương mại Minh Ngọc	121.176.000	121.176.000	189.496.500	189.496.500
Cửa hàng vật liệu xây dựng Vũ Anh Tuấn	200.000.000	200.000.000	447.500.000	447.500.000
Trương Thị Lan	215.000.000	215.000.000	-	-
Cộng	941.196.000	941.196.000	636.996.500	636.996.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

Địa chỉ: Số 311, Đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016

đến ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 29/02/2016	5.783.690.273	4.928.406.490	2.108.413.159	116.153.910	12.936.663.832
Mua trong kỳ	-	1.309.090.909	788.400.000	-	2.097.490.909
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.439.999.999)	(1.182.231.341)	-	(2.622.231.340)
Số dư ngày 31/12/2016	5.783.690.273	4.797.497.400	1.714.581.818	116.153.910	12.411.923.401
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 29/02/2016	2.540.004.596	3.000.564.384	1.290.563.575	31.552.080	6.862.684.635
Khấu hao trong kỳ	406.597.808	506.273.403	215.539.322	26.204.369	1.154.614.902
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.323.952.901)	(809.549.942)	-	(2.133.502.843)
Số dư ngày 31/12/2016	2.946.602.404	2.182.884.886	696.552.955	57.756.449	5.883.796.694
Giá trị còn lại					
Tại ngày 29/02/2016	3.243.685.677	1.927.842.106	817.849.584	84.601.830	6.073.979.197
Tại ngày 31/12/2016	2.837.087.869	2.614.612.514	1.018.028.863	58.397.461	6.528.126.707

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***10. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2016		Trong kỳ		Đơn vị tính: VND 29/02/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai (1)	3.243.044.800	3.243.044.800	3.243.044.800	3.275.721.589	3.275.721.589	3.275.721.589
Phan Thị Quỳnh Trúc (2)	500.000.000	500.000.000	1.500.000.000	1.000.000.000	-	-
Trịnh Thị Việt Phương (3)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	-	-	-
Hà Văn Thức (4)	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-
Tổng cộng	4.043.044.800	4.043.044.800	6.443.044.800	5.675.721.589	3.275.721.589	3.275.721.589

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo 03 hợp đồng tín dụng:

Khoản vay theo hợp đồng số 01/2016/948165/HĐTD ngày 18/08/2016 với hạn mức cho vay 1.108.636.000 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình, lãi suất được quy định trên hợp đồng tín dụng là 7%/năm, thời hạn cho vay 8 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.

Khoản vay theo hợp đồng số 02/2016/948165/HĐTD ngày 18/10/2016 với hạn mức cho vay 1.026.938.000 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình, lãi suất được quy định trên hợp đồng tín dụng là 7%/năm, thời hạn cho vay 8 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.

Khoản vay theo hợp đồng số 03/2016/948165/HĐTD ngày 1/12/2016 với hạn mức cho vay 1.046.280.000 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình, lãi suất được quy định trên hợp đồng tín dụng là 7%/năm, thời hạn cho vay 8 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(2) Khoản vay của bà Phan Thị Quỳnh Trúc phát sinh theo các hợp đồng sau:

Khoản vay theo hợp đồng vay vốn cá nhân của bà Phan Thị Quỳnh Trúc ngày 15/06/2016 với hạn mức cho vay 500.000.000 VND, mục đích vay là nộp tài khoản trả nợ gốc và lãi vay ngân hàng BIDV Lào Cai, lãi suất cho vay được quy định trên hợp đồng là 10,8%/năm, thời hạn cho vay 7 tháng kể từ ngày 15/6/2016. Khoản vay này đã thanh toán hết vào ngày 9/7/2016.

Khoản vay theo hợp đồng vay vốn cá nhân của bà Phan Thị Quỳnh Trúc ngày 26/09/2016 với hạn mức cho vay 500.000.000 VND, mục đích vay để chi cho các đơn vị ứng thi công hạng mục công trình khắc phục bão lũ, đảm bảo giao thông năm 2016, lãi suất cho vay được quy định trên hợp đồng là 10,2%/năm, thời hạn cho vay 3 tháng kể từ ngày 26/9/2016. Khoản vay này đã thanh toán hết tại ngày 10/01/2017.

Khoản vay theo hợp đồng vay vốn cá nhân của bà Phan Thị Quỳnh Trúc ngày 31/05/2016 với hạn mức cho vay 500.000.000 VND, mục đích vay để thanh toán cho các đơn vị thi công hạng mục công trình sửa chữa thường xuyên quý I/2016 và khắc phục bão lũ, đảm bảo giao thông đường tỉnh lộ năm 2016, lãi suất cho vay được quy định trên hợp đồng là 9,6%/năm, thời hạn cho vay 1 tháng kể từ ngày 31/5/2016. Khoản vay này đã thanh toán hết tại ngày 22/6/2016.

(3) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn cá nhân của bà Trịnh Thị Việt Phương ngày 30/12/2016 với hạn mức cho vay 300.000.000 VND, mục đích vay để ứng lương công nhân sửa chữa thường xuyên tháng 10 và tháng 11 năm 2016, lãi suất cho vay được quy định trên hợp đồng là 9,6%/năm, thời hạn cho vay 1 tháng kể từ ngày 30/12/2016.

(4) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn cá nhân của ông Hà Văn Thúc ngày 08/06/2016 với hạn mức cho vay 1.400.000.000 VND, mục đích vay để thanh toán lương sửa chữa thường xuyên tháng 4 và tháng 5 năm 2016, lãi suất cho vay được quy định trên hợp đồng là 10,2%/năm, thời hạn cho vay 2 tháng kể từ ngày 8/6/2016. Khoản vay này đã thanh toán hết vào ngày 12/8/2016.

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	29/02/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai	18.986.000	-
Cộng	18.986.000	-

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	29/02/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	-	2.881.105.019	3.412.170.575	531.065.556
Thuế TNDN	-	224.731.245	-	224.731.245
Thuế TNCN	30.364.277	9.878.125	30.364.250	9.878.152
Thuế tài nguyên	-	10.900.200	8.245.200	2.655.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.195.200	2.195.200	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	7.874.000	6.224.000	1.650.000
Cộng	30.364.277	3.136.683.789	3.459.199.225	769.979.953

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Phải thu

Thuế GTGT đầu ra	571.534.903	571.534.903	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.783.755	26.783.755	-	-
Cộng	598.318.658	598.318.658	-	-

13. Phải trả khác

	31/12/2016	29/02/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	19.600.000	18.299.400
Bảo hiểm xã hội	-	140.417.933
Phải trả về cổ phần hóa	-	10.222.676.891
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	26.632.961.971	18.299.765.772
<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng tổng hợp Hoàng Long (*)</i>	3.998.572.182	729.300.000
<i>Nguyễn Thành Bình (**)</i>	2.953.116.704	2.945.708.613
<i>Hàn Mạnh Thành (***)</i>	2.578.331.192	166.963.192
<i>Chừ Mạnh Hùng</i>	1.525.332.450	1.252.529.713
<i>Trần Đức Hoat</i>	1.376.848.300	2.236.518.337
<i>Nguyễn Quang Vinh</i>	1.368.291.938	618.584.138
<i>Trần Đình Thương</i>	1.352.215.080	1.432.078.929
<i>Đỗ Thị Cúc</i>	1.298.596.094	1.548.867.120
<i>Nguyễn Quang Đông</i>	1.181.184.478	152.356.249
<i>Nguyễn Văn Minh</i>	1.177.936.880	1.111.707.369
<i>Đoàn Văn Thùy</i>	1.113.650.500	341.533.230
<i>Các đối tượng khác</i>	6.708.886.173	5.763.618.882
Cộng	26.652.561.971	28.681.159.996

(*) Đây là giá trị xây lắp các công trình đảm bảo giao thông đường tỉnh 156 năm 2015 số tiền: 169.300.000 đồng; giá trị xây lắp công trình sửa chữa mặt đường 4E năm 2016 số tiền: 173.171.000 đồng; giá trị xây lắp công trình đảm bảo giao thông Quốc lộ 4D năm 2016: 3.656.101.182 đồng.

(**) Đây là khoản phải trả cho Đội công trình do ông Nguyễn Thành Bình đại diện bao gồm chi phí đảm bảo giao thông đường tỉnh 152 năm 2014 số tiền: 637.589.000 đồng, chi phí khắc phục bão lũ - đường tỉnh 156; đường tỉnh 160; sửa chữa mặt đường Quốc lộ 279 năm 2015 số tiền: 670.573.613 đồng, chi phí sửa chữa đọt xuất 2/9 Quốc lộ 4D, chi phí đảm bảo giao thông Km 98-121-125-199 Quốc lộ 4D, chi phí sửa chữa mặt đường phục vụ đưa xe đạp, chi phí sửa chữa hệ thống biển báo hiệu giao thông đường thành phố số tiền: 1.644.954.091 đồng

(***) Đây là khoản phải trả cho Hạt Quản lý đường bộ thành phố do ông Hàn Mạnh Thành Hạt trưởng làm đại diện bao gồm chi phí vật liệu; chi phí máy đường tỉnh 155 số tiền: 36.963.192 đồng, chi phí sửa chữa thường xuyên tháng 10, 11, 12 năm 2016 số tiền: 48.054.000 đồng, chi phí khắc phục bão lũ; đảm bảo giao thông đọt tháng 8 năm 2016 Quốc lộ 4D số tiền: 2.493.314.000 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Vốn chủ sở hữu

14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 29/02/2016	11.386.886.599	-	11.386.886.599
Lãi trong năm nay	-	1.006.060.000	1.006.060.000
Trả cổ tức (*)	-	(569.300.000)	(569.300.000)
Trích lập các quỹ (**)	-	(436.760.000)	(436.760.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	11.386.886.599	-	11.386.886.599

(*) Công ty trả cổ tức theo Quyết định số 328/QĐ - ĐBLC ngày 31/12/2016 của Hội đồng quản trị về việc chi cổ tức năm 2016

(**) Công ty trích quỹ theo Quyết định số 329/QĐ - ĐBLC ngày 31/12/2016 của Hội đồng quản trị về việc trích lập các quỹ năm 2016

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	29/02/2016 VND
Ông Cù Kiên Quyết	4.338.340.000	4.338.340.000
Ông Cù Ngọc Chung	805.880.000	805.880.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	592.960.000	592.960.000
Ông Trần Đức Hoạt	351.970.000	351.970.000
Ông Nguyễn Thành Bính	300.960.000	300.960.000
Ông Đoàn Văn Thủy	303.960.000	303.960.000
Ông Chử Mạnh Hùng	207.990.000	207.990.000
Bà Ngô Thị Hương	159.990.000	159.990.000
Ông Doãn Xuân Quang	191.980.000	191.980.000
Các cổ đông khác	4.132.856.599	4.132.856.599
Cộng	11.386.886.599	11.386.886.599

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	11.386.886.599	11.175.158.074
Vốn góp tăng trong năm	-	211.728.525
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	11.386.886.599	11.386.886.599
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	569.300.000	-

14.4 Cổ phiếu

	31/12/2016 VND	29/02/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.138.689	1.138.689
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.138.689	1.138.689

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ LÀO CAIĐịa chỉ: Số 311, Đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu,
Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016

đến ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

- Cổ phiếu phổ thông	1.138.689	1.138.689
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.138.689	1.138.689
- Cổ phiếu phổ thông	1.138.689	1.138.689
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.		

14.5 Các quỹ của công ty

Khoản mục	29/02/2016	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	-	250.000.000	-	250.000.000
Cộng	-	250.000.000	-	250.000.000

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

15. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Tài sản nhận giữ hộ:**

	31/12/2016	29/02/2016
	Số lượng	Số lượng
Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước		
TSCĐ là nhà cửa vật kiến trúc		
Hạt Minh Lương	1	1
Bến phà Tân An	1	1
Hạt Văn Bàn	1	1
Hạt Lùng Vai	1	1
Hạt Võ Lao	1	1
Hạt Mường Khương	1	1
Hạt Bắc Hà	1	1
Nhà hạt Bảo Yên	1	1
Nhà hạt Bát Xát	1	1
Cổng hàng rào, sân hạt Lùng Vai	1	1
Nhà cung Km25 - Sa Pa	1	1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	VND
Doanh thu xây dựng, sửa chữa thường xuyên	38.030.076.005	40.643.192.539
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà	111.818.185	383.006.912
Doanh thu bán thành phẩm	402.342.730	255.300.000
Cộng	38.544.236.920	41.281.499.451

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	995.240.908	359.436.363
Cộng	995.240.908	359.436.363

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016
	VND	VND
Giá vốn xây dựng công trình và sửa chữa thường xuyên	32.549.856.428	36.458.607.298
Giá vốn bán thành phẩm	345.070.000	253.454.070
Cộng	32.894.926.428	36.712.061.368

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	46.544.692	59.190.015
Cộng	46.544.692	59.190.015

5. Chi phí tài chính

	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	171.760.885	322.449.903
Cộng	171.760.885	322.449.903

6. Thu nhập khác

	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản	135.816.957	-
Thu từ bồi thường thiệt hại	56.256.000	9.545.454
Cộng	192.072.957	9.545.454

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí khác

	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016
	VND	VND
Chi phí thi hành án bồi thường thiệt hại tài sản	1.740.000	-
Nộp vi phạm hành chính	7.757.751	-
Cộng	9.497.751	-

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	2.168.348.000	2.266.868.000
Chi phí vật liệu quản lý	101.268.585	214.142.249
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.676.036	52.909.546
Thuế, phí và lệ phí	-	168.983.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	622.410.584	653.103.497
Chi phí bằng tiền khác	531.150.392	585.009.019
Cộng	3.453.853.597	3.941.015.658

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.081.013.859	17.214.186.403
Chi phí nhân công	24.042.182.493	22.365.219.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.154.614.902	1.384.950.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.407.252.899	3.656.231.859
Chi phí khác bằng tiền	678.184.013	3.654.124.279
Cộng	47.363.248.166	48.274.713.109

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	37.787.613.661	40.990.798.557
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	37.787.613.661	40.990.798.557
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	36.530.038.661	40.975.526.929
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	36.530.038.661	40.953.451.993
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	22.074.936

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.257.575.000	37.346.564
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	251.515.000	8.216.245
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	251.515.000	8.216.245

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

**Từ 29/02/2016
 đến 31/12/2016
 VND**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.006.060.000
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.006.060.000
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	186.759.940
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.138.689
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	719,51

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

**Từ 29/02/2016
 đến 31/12/2016
 VND** **Từ 01/01/2015
 đến 28/02/2016
 VND**

Số tiền đi vay thực thu trong năm:	
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	6.443.044.800
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.675.721.589

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016.

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.09. trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2016	29/02/2016
	VND	VND
Các khoản vay	4.043.044.800	3.275.721.589
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.154.037.821	12.452.410.178
Nợ thuần	2.889.006.979	(9.176.688.589)
Vốn chủ sở hữu	11.636.886.599	11.386.886.599
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	25%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	29/02/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.154.037.821	12.452.410.178
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.198.492.590	13.043.444.756
Các khoản đầu tư tài chính	-	-
Cộng	25.352.530.411	25.495.854.934
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.043.044.800	3.275.721.589
Phải trả người bán và phải trả khác	27.593.757.971	29.334.656.496
Chi phí phải trả	-	-
Cộng	31.636.802.771	32.610.378.085

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	27.593.757.971	-	27.593.757.971
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	4.043.044.800	-	4.043.044.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

29/02/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	29.334.656.496	-	29.334.656.496
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	3.275.721.589	-	3.275.721.589

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.154.037.821	-	1.154.037.821
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.198.492.590	-	24.198.492.590
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-

29/02/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.452.410.178	-	12.452.410.178
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.043.444.756	-	13.043.444.756
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Từ 29/02/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016 VND
Lương, thưởng	459.030.000	445.372.000
Cộng	459.030.000	445.372.000

228-C
 CÔNG TY
 HỮU HẠN
 VÀ ĐỊNH GI
 TP. HA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

Địa chỉ: Số 311, Đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu,
Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016
đến ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016, là kỳ hoạt động đầu tiên ngay sau khi Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần, do vậy, các số liệu, thông tin, dữ liệu tương ứng được trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/12/2016 là các số liệu, thông tin, dữ liệu không mang tính so sánh được.

Số liệu đầu kỳ của Công ty được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 28/02/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Định giá và Tư vấn tài chính Việt Nam và được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 28/02/2016 của Công ty TNHH MTV Quản lý đường bộ Lào Cai do Sở Tài chính tỉnh Lào Cai tiến hành.

Lào Cai, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hương

Giám đốc



Cù Kiên Quyết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI